

Số: /BGDĐT-NGCBQLGD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v hướng dẫn triển khai  
công tác VSTBPN và BDG  
năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Triển khai Công văn số 2855/BNV-CTTN&BDG ngày 27/3/2026 của Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới (BDG) năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ (VSTBPN) và công tác BDG năm 2026 như sau:

**1. Tổ chức triển khai thực hiện công tác VSTBPN, BDG và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới**

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật<sup>1</sup>; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, công tác cán bộ nữ; tham mưu, đề xuất, xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù nhằm tăng cường sự tham gia và thụ hưởng của phụ nữ trong các lĩnh vực.

- Thực hiện Chiến lược quốc gia về BDG giai đoạn 2021-2030; Chương trình truyền thông về BDG đến năm 2030 và các đề án, chương trình có liên quan gắn với các đơn vị. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

- Theo dõi, thống kê, báo cáo các mục tiêu, chỉ tiêu theo Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch hành động VSTBPN và BDG giai đoạn 2021-2030; dự báo khả năng đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu để kịp thời có giải pháp thực hiện phù hợp.

**2. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng công tác cán bộ nữ**

- Kiện toàn Ban VSTBPN các cấp đảm bảo tính ổn định và kế thừa; trường hợp có sự thay đổi, điều chuyển công chức, viên chức cần kịp thời phân công công chức, viên chức và người lao động thay thế để tránh gián đoạn công việc.

<sup>1</sup> Nghị định 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/05/2009 của Chính phủ; Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ nữ theo lộ trình phù hợp với điều kiện của đơn vị; triển khai các nội dung của Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “*Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030*”.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý, cán bộ nữ trong diện quy hoạch chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp.

### **3. Tổ chức truyền thông, tập huấn về công tác VSTBPN và BDG đảm bảo kịp thời, chất lượng và hiệu quả**

- Tổ chức các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác VSTBPN và BDG phù hợp, hiệu quả đối với từng đơn vị; tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động, sản phẩm truyền thông.

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác VSTBPN cho thành viên của Ban VSTBPN ở các cấp; Tổ chức các hội thảo chuyên đề, tọa đàm... để trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm. Lồng ghép các nội dung, hoạt động về BDG trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về BDG nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, công chức, viên chức, người lao động về BDG và vai trò của phụ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý.

- Tham mưu, phối hợp triển khai có hiệu quả, sáng tạo Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; Tháng hành động vì BDG và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

### **4. Nâng cao năng lực và hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên của Ban VSTBPN**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra hoạt động VSTBPN các cấp. Nội dung kiểm tra tập trung việc chỉ đạo triển khai chính sách, pháp luật, chương trình liên quan công tác VSTBPN, BDG và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; Công tác cán bộ nữ...; Khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai công tác VSTBPN và BDG.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của Ban tại đơn vị. Tích cực, chủ động triển khai công tác VSTBPN và BDG theo kế hoạch và chương trình đã đề ra.

- Chủ động rà soát, kiện toàn thành viên khi có sự thay đổi về nhân sự; đảm bảo thực hiện tốt các quy định trong Quy chế làm việc của Ban.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động và dự trù kinh phí theo quy định tại Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động BƉG và VSTBPN. Phối hợp công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tăng tính bền vững, hiệu quả trong thực hiện công tác BƉG.

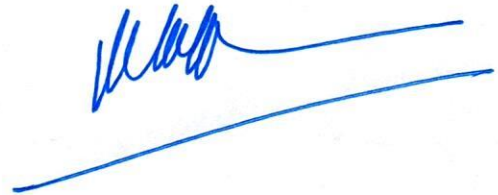
- Xây dựng báo cáo công tác VSTBPN và BƉG năm 2026 (*gửi trước ngày 05/12/2026*). Báo cáo (*gửi kèm Phụ lục 1*) gửi về Ban VSTBPN Bộ GDĐT (Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GDĐT, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội); đồng thời gửi bản mềm Báo cáo theo địa chỉ email: ptsbang@moet.gov.vn để tổng hợp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBQG VSTBPN Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Quyên Thanh**

(Kèm theo Công văn số 1322/BGDDT-NGCBQLGD ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Bộ GDĐT)

Mục tiêu theo Quyết định 383	Chi tiêu	Nội dung	Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch		Số liệu tại thời điểm tháng 12/2026					So sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2030	Giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt các chi tiêu, mục tiêu		
			Đơn vị	Năm 2025	Năm 2030	Tổng số	Số lượng đạt được	Tỷ lệ đạt được (5)=(4)/(3) *100%	Tỷ lệ cần phấn đấu tăng thêm (6)=(1)-(5)			Số lượng cần tăng thêm (7)=(6)*(3)	
Mục tiêu 2	Chi tiêu 1	Tỷ lệ trẻ em trai và gái được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng	%	35	40								
			Trẻ mẫu giáo	%	95	97							
			Trẻ mầm non	%	99	>99							
			Tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình trung học cơ sở	%	>83	>86							
Mục tiêu 3	Chi tiêu 2	Tỷ lệ nữ biết chữ	%	98,2	99								
			Tỷ lệ nữ người dân tộc thiểu số và miền núi biết chữ	%	93,5	94,5							
			Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục th trung xuyên có nữ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý	%	95	97							
			Tỷ lệ phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở đào tạo có nữ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý	%	92	95							
Mục tiêu 4	Chi tiêu 1	Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt	%	>60	>75								
			Tỷ lệ nữ công chức, viên chức trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực	%	75	90							
			Tỷ lệ nữ thực sĩ trong tổng số công chức, viên chức cơ trình độ thạc sĩ	%	>= 50	>= 50							
			Tỷ lệ nữ tiến sĩ trên tổng số tiến sĩ đang công tác trong các cơ sở giáo dục và Đào tạo quản lý	%	40	45							
Mục tiêu 5	Chi tiêu 2	Tỷ lệ nữ làm chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý	%	>35	>45								
			Lượt phụ huynh học sinh từ cấp THPT được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông	Lượt	>=4000000	>=5000000							
			Lượt học sinh từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông đ được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông	Lượt	>=8000000	>=10000000							
			Lượt cán bộ các cấp ở địa phương được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông	Lượt	>=3000	>=4000							
Công tác thông tin, truyền thông	Chi tiêu 2	Lượt cán bộ, giáo viên và học sinh được tập huấn trở thành đội ngũ truyền thông về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành Giáo dục	Lượt	>=1000	>=1000								

Mục tiêu theo Quyết định 383	Chi tiêu	Nội dung	Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch					So sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2030	Giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt các chỉ tiêu, mục tiêu
			Đơn vị	Năm 2025	Năm 2030	Tổng số	Số lượng đạt được		
	Chi tiêu 3		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)*100%	(6)=(1)-(5)	(7)=(6)*(3)
		Tỷ lệ công thông tin điện tử/website của các cơ sở giáo dục và cơ quan QLGD các cấp có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hằng quý	%	100	100				
<b>Mục tiêu 5</b>	<b>Chi tiêu 1</b>	Tỷ lệ công chức, viên chức làm công tác xây dựng thể chế của các đơn vị được tập huấn kiến thức về đánh giá tác động giới, lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách	%	80	100				
Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới	<b>Chi tiêu 2</b>	Tỷ lệ thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị được tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động liên quan tới năng cao năng lực về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ	%	80	100				

\* Ghi chú:

(1)	Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch vào năm 2025
(2)	Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch vào năm 2030
(3) và (6)	Là tổng số người thuộc đối tượng khảo sát. Ví dụ: tại Chi tiêu 2 Mục tiêu 2, cột số (3) sẽ điền tổng số trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số
(4) và (7)	Là tổng số người thuộc đối tượng khảo sát đạt được tiêu chí nêu trong nội dung của Chi tiêu. Ví dụ: tại Chi tiêu 2 Mục tiêu 2, cột số (4) sẽ điền tổng số trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học
(5) và (8)	Tỷ lệ đạt được theo số liệu hiện tại
(9)	Tỷ lệ cần phấn đấu tiếp tục theo mục tiêu năm 2025
(10)	Số lượng cần phấn đấu tiếp tục theo mục tiêu năm 2025

Mục tiêu cần đạt của chi tiêu 1 và chi tiêu 2 của Mục tiêu 4 là mục tiêu chung của toàn quốc, do đó các Ban không cần so sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2025

*(Handwritten signature)*